

PHỤ LỤC SỐ 03

Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND huyện Tân Uyên)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Bổ sung, điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
	Tổng số	1.210.011.000	2.758.446.000	1.548.435.000	
A	Nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	460.011.000	604.446.000	144.435.000	
I	Nguồn cân đối ngân sách huyện	460.011.000	604.446.000	144.435.000	
1	Bảo hiểm xã hội huyện Tân Uyên	(98.000.000)	-	98.000.000	Giảm số đã phân bổ từ nguồn ngân sách huyện do tỉnh đã bố trí
	Kinh phí hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện, BHYT cho người tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh	(98.000.000)		98.000.000	
2	Ban QLDA XDCB và HTBT di dân TĐC	(46.435.000)	-	46.435.000	
	Một số hạng mục phụ trợ trên địa bàn thị trấn Tân Uyên	(46.435.000)		46.435.000	
3	Trường PTDTBT Tiểu học xã Hồ Mít	18.000.000	18.000.000	-	
	Chi thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP năm 2024, năm 2025	18.000.000	18.000.000		
4	Xã Nậm Sỏ	346.446.000	346.446.000	-	
	Kinh phí xử lý sạt lở các tuyến đường trên địa bàn xã Nậm Sỏ năm 2023	221.555.000	221.555.000		Dự án hoàn thành
	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục phụ trợ xã Nậm Sỏ	124.891.000	124.891.000		Dự án hoàn thành
5	Kinh phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất; cải tạo, nâng cấp mở rộng xây mới các hạng mục công trình trong các dự án đầu tư xây dựng...	240.000.000	240.000.000	-	
	Thị trấn Tân Uyên	150.000.000	150.000.000		Đảm bảo CSVC khi thực hiện sắp xếp mô hình chính quyền 2 cấp
	Xã Mường Khoa	30.000.000	30.000.000		
	Xã Pắc Ta	30.000.000	30.000.000		
	Xã Nậm Sỏ	30.000.000	30.000.000		
B	Nguồn dự toán năm 2025	750.000.000	2.154.000.000	1.404.000.000	
I	Nguồn cân đối ngân sách huyện	-	1.275.000.000	1.275.000.000	
1	Huyện ủy	(166.000.000)	-	166.000.000	
	KP Ban chỉ đạo quy chế dân chủ	(8.000.000)		8.000.000	
	KP học tập, làm theo tấm gương đạo đức HCM theo Chỉ thị số 05	(14.000.000)		14.000.000	
	KP Ban chỉ đạo 35 huyện Tân Uyên	(17.000.000)		17.000.000	
	KP trang phục CBCC, người lao động (theo Quy định 08/QĐ-TU ngày 26/3/2018)	(1.000.000)		1.000.000	
	KP thực hiện Đề án số 01-ĐA/HU ngày 02/01/2024 của Huyện ủy Tân Uyên	(50.500.000)		50.500.000	
	KP hoạt động BCĐ huyện thực hiện NQ số 15-NQ/TU ngày 22/12/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh	(17.000.000)		17.000.000	
	KP Ban chỉ đạo công tác tôn giáo cấp huyện	(28.500.000)		28.500.000	
	KP phòng cháy, chữa cháy, bảo hiểm phòng chống cháy nổ	(30.000.000)		30.000.000	
2	Văn phòng HĐND-UBND	(845.250.000)	-	845.250.000	
	KP số hóa và chỉnh lý tài liệu	(300.000.000)		300.000.000	
	KP soạn thảo văn bản QPPL	(1.150.000)		1.150.000	
	KP huấn luyện dân quân tự vệ khối UBND huyện	(10.000.000)		10.000.000	
	KP điện, nước, internet khu họp khối HĐND-UBND	(130.000.000)		130.000.000	
	KP hoạt động của HĐND theo NQ 45/2016/NQ- HĐND	(344.100.000)		344.100.000	
	KP mua quần áo tiếp công dân theo TT03/2016/TT-TTCTP	(15.000.000)		15.000.000	
	KP duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO	(5.000.000)		5.000.000	
	KP Ban chỉ đạo phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn; phòng chống tác hại của thuốc lá; Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm và Đoàn kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm.	(20.000.000)		20.000.000	
	KP hạt động ban Công tác Người cao tuổi, đội kiểm tra liên ngành phòng chống mại dâm 178	(20.000.000)		20.000.000	
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	(73.200.000)	-	73.200.000	
	Kinh phí tiền điện, nước, internet trụ sở làm việc; duy trì dịch vụ truyền hình trực tuyến V-meeting	(25.050.000)		25.050.000	
	KP soạn thảo văn bản QPPL	(1.150.000)		1.150.000	
	Hỗ trợ Hội khuyến học	(47.000.000)		47.000.000	

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Bổ sung, điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
4	Phòng Dân tộc và Tôn giáo	(14.750.000)	-	14.750.000	
	Kinh phí hoạt động tôn giáo	(13.600.000)		13.600.000	
	KP soạn thảo văn bản QPPL	(1.150.000)		1.150.000	
5	Phòng Nội vụ	(51.900.000)	-	51.900.000	
	Hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam	(15.000.000)		15.000.000	
	KP soạn thảo văn bản QPPL	(1.150.000)		1.150.000	
	Kinh phí cải cách hành chính	(7.750.000)		7.750.000	
	Hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND huyện với thanh niên năm 2025	(8.000.000)		8.000.000	
	Kinh phí hoạt động ban chỉ đạo "Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động"; ban công tác người cao tuổi; ban vì sự tiến bộ phụ nữ; đội kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm 178.	(20.000.000)		20.000.000	
6	Thanh tra huyện	(8.400.000)	-	8.400.000	
	Kinh phí tiếp công dân theo QĐ số 39/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	(8.400.000)		8.400.000	
7	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	(7.500.000)	-	7.500.000	
	KP Ban an toàn giao thông huyện	(4.700.000)		4.700.000	
	Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (BCĐ 389)	(2.800.000)		2.800.000	
8	Liên đoàn Lao động huyện	(39.000.000)	-	39.000.000	
	Hỗ trợ hoạt động tuyên truyền, truyền thông hướng về cơ sở, xây dựng NTM và các hoạt động khác phối hợp với cơ quan, tổ chức trên địa bàn huyện (theo nhiệm vụ chung của MTTQ và các đoàn thể huyện)	(15.000.000)		15.000.000	
	Hoạt động giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh (thực hiện QĐ 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị, NQ số 14/2017/NQ-HĐND 14/7/2017 của HĐND tỉnh)	(10.000.000)		10.000.000	
	Kinh phí thực hiện phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa giai đoạn 2023-2027	(14.000.000)		14.000.000	
9	Hội chữ thập đỏ	(69.000.000)	-	69.000.000	Giảm số đã phân bổ từ nguồn ngân sách huyện do tỉnh đã bố trí
	Quỹ lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp và kinh phí hoạt động thường xuyên	(44.000.000)		44.000.000	
	Kinh phí để thực hiện CCTL nâng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng	(25.000.000)		25.000.000	
10	Kinh phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất; cải tạo, nâng cấp mở rộng xây mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng...	1.275.000.000	1.275.000.000	-	
	Xã Mường Khoa	425.000.000	425.000.000		Đảm bảo CSVC khi thực hiện sắp xếp mô hình chính quyền 2 cấp
	Xã Pắc Ta	425.000.000	425.000.000		
	Xã Nậm Sỏ	425.000.000	425.000.000		
II	Nguồn chính sách sự nghiệp giáo dục - đào tạo	-	129.000.000	129.000.000	
1	Chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	-	129.000.000	129.000.000	
	Trường Mầm non số 1 TT Tân Uyên	4.000.000	4.000.000		
	Trường Mầm non Thân Thuộc	6.000.000	6.000.000		
	Trường Mầm non Trung Đồng	5.000.000	5.000.000		
	Trường Mầm non Pắc Ta	2.000.000	2.000.000		
	Trường Mầm non Hồ Mít	23.000.000	23.000.000		
	Trường Mầm non Mường Khoa	4.000.000	4.000.000		
	Trường Mầm non Nậm Cắn	1.000.000	1.000.000		
	Trường Mầm non Nậm Sỏ	71.000.000	71.000.000		
	Trường Mầm non Tà Mít	12.000.000	12.000.000		
	Trường TH Mường Khoa	1.000.000	1.000.000		
	Trường TH Nậm Sỏ	(39.000.000)		39.000.000	
	Trường THCS Nậm Sỏ	(90.000.000)		90.000.000	
III	Nguồn dự phòng ngân sách	750.000.000	750.000.000	-	
1	Xã Mường Khoa	300.000.000	300.000.000	-	
	Kinh phí lắp đặt hệ thống đèn năng lượng mặt trời bán Hồ Tra xã Mường Khoa	300.000.000	300.000.000		Thực hiện CTMTQG xây dựng Nông thôn mới
2	Xã Nậm Cắn	450.000.000	450.000.000	-	
	Kinh phí lắp đặt hệ thống đèn năng lượng mặt trời bán Hua Cắn xã Nậm Cắn	300.000.000	300.000.000		Thực hiện CTMTQG xây dựng Nông thôn mới
	Kinh phí sửa chữa, khắc phục thiên tai công trình: Đường nội đồng và kè rọ đá bán Phiêng Bay, xã Nậm Cắn	150.000.000	150.000.000		